

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ DI CHUYỂN

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Định mức	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
I	Chi phí xây dựng		Gxd1	1.793.621.021	143.489.682	1.937.111.000	Gxd
1.1	Đường dây trung thế		Dự toán	1.398.398.673	111.871.894	1.510.270.567	Gxd1
1.2	Đường dây hạ thế		Dự toán	395.222.348	31.617.788	426.840.136	Gxd2
II	Chi phí thiết bị		Gtb1	245.750.000	19.660.000	265.410.000	Gtb
II	Chi phí quản lý dự án	3,557%	3,557% x Gxdx1,35	97.929.577		97.930.000	Gqlda
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		Gtv1 : Gtv10	227.881.644	18.230.531	246.112.000	Gtv
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,713%	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 25/8/2025	120.648.148	9.651.852	130.300.000	Gtv1
3.2	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	0,29%		6.237.037	498.963	6.736.000	Gtv2
3.3	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	0,28%		6.065.741	485.259	6.551.000	Gtv3
3.4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây lắp; lắp đặt thiết bị	0,549%	0,549% x (Gxd+Gtb)	11.196.147	895.692	12.091.839	Gtv4
3.5	Chi phí TĐ HSMT thi công xây lắp	0,10%	0,1%xGxd	1.398.399	111.872	1.510.271	Gtv5
3.6	Chi phí TĐ HSMT lắp đặt thiết bị	0,10%	Mức tối thiểu	2.000.000	160.000	2.160.000	Gtv6
3.7	Chi phí TĐKQ lựa chọn Nhà thầu xây lắp	0,10%	0,1%xGxd	1.398.399	111.872	1.510.271	Gtv7
3.8	Chi phí TĐKQ lựa chọn Nhà thầu lắp đặt thiết bị	0,10%	Mức tối thiểu	3.000.000	240.000	3.240.000	Gtv8
3.9	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,508%	3,508% x Gxdx1,2	75.504.271	6.040.342	81.544.612	Gtv9
3.10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,147%	0,147% x Gtbx1,2	433.503	34.680	468.183	Gtv10
IV	Chi phí khác		Gk1 : Gk7	62.312.113	3.123.808	65.436.000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,570%	0,57% x TMDT*0,5	7.816.407		7.816.407	Gk1
4.2	Phí thẩm định báo cáo ktk	0,019%	0,019% x TMDTx50%	260.547		260.547	Gk2
4.3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu CTXD	20%	20% x (Gtv9+Gtv10)	15.187.555		15.187.555	Gk3

[illegible]